

Số: /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

V/v sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các trường phía Bắc trực thuộc Bộ GTVT

Kính gửi:

- Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;
- Trường Đại học công nghệ GTVT;
- Các Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I, II, IV;
- Trường Cán bộ quản lý GTVT.

Thực hiện quy định tại Điều 23, 24 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trên cơ sở báo cáo của các trường thuộc Bộ tại khu vực phía Bắc và các quy định hiện hành¹, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) thống nhất tiêu chuẩn, định mức và thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô của các trường như sau:

1. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung, thống nhất tiêu chuẩn, định mức và thực hiện sắp xếp lại, xử lý như Phụ lục 01 kèm theo.

2. Đối với xe ô tô chuyên dùng, thống nhất tiêu chuẩn, định mức và thực hiện sắp xếp lại, xử lý như Phụ lục 02 kèm theo.

Các trường có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo đúng quy định.

Bộ GTVT yêu cầu đơn vị khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT của Bộ GTVT (để công khai);
- Lưu: VT, TC(H).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

¹ Tiêu chuẩn, định mức xe theo quy định tại Điều 9, 16, 17 NĐ số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ; Biên chế lấy theo QĐ số 414/QĐ-BGTVT ngày 09/4/2024 của Bộ GTVT.

PHỤ LỤC 01: SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
(Kèm theo Văn bản số /BGTVT-TC ngày tháng năm 2024 của Bộ GTVT)

STT	Đơn vị	Xe hiện có			Tổng nhất tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại ND 72/2023/NĐ-CP	Số xe thiếu (-); thừa (+) so với tiêu chuẩn, định mức	Phương án xử lý xe thừa so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú
		Cộng	Đủ điều kiện thanh lý	Còn sử dụng được			Cộng	Tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	
Tổng cộng		15	6	9	15	0	3	0	1	2	
1	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I	1		1	2	-1					Trường có 01 Xe Toyota 5 chỗ, Biển số: 29A 041.34. Thiếu so với định mức 01 xe
2	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II	1		1	2	-1					Trường có 01 Xe huyndai 5 chỗ, BKS: 15M.00179. Thiếu 01 xe so với ĐM.
3	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương IV	2	1	1	2	0					Trường có 02 xe: (1) Xe ô tô 05 chỗ; BKS: 37A.1717, 2004; (2) Xe ô tô 12 chỗ, BKS: 37A.0862, 2001.
4	Trường Cán bộ quản lý GTVT	3	1	2	1	2	2		1	1	Trường có 03 xe: (1) Toyota Camry 05 chỗ ngồi, BKS 31A-5897; (2) Toyota Hiace 16 chỗ ngồi, BKS 29M-00455 và (3) Toyota Zace 07 chỗ ngồi, BKS 31A-7118 (hiện không sử dụng được). Thừa 2 xe so với định mức.
5	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	5	2	3	4	1	1			1	Trường có 05 xe: (1) Xe Huyndai 5 chỗ, Biển số: 15A-001.18; (2) Xe Toyota 5 chỗ, Biển số: 15A-004.94; (3) Xe Toyota 7 chỗ, Biển số: 29Z-4591; (4) Xe Toyota 16 chỗ, Biển số: 15M-000.09 (hết niên hạn sử dụng); (5) Xe Toyota Van 6 chỗ, Biển số: 15A-006.34. Thừa 01 xe sau rà soát, thanh lý chuyển sang làm Công cụ phục vụ đào tạo, thực hành, thực tập.
6	Trường Đại học Công nghệ GTVT	3	2	1	4	-1					Trường hiện có 03 xe: (1) Xe 7 chỗ; Isuzu Trooper; 2001, BKS: 29A-014.81; (2) Xe 7 chỗ Ford Everest 2009, BKS: 29A-014.18; (3) Xe TOYOTA 16 chỗ 2002, BKS: 20B - 016.53. So với định mức còn thiếu 01 xe.

PHỤ LỤC 02: SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Văn bản số /BGTVT-TC ngày tháng năm 2024 của Bộ GTVT)

STT	Đơn vị	Xe hiện có			Mục đích	Đã được ban hành theo ND số 04/2019/ND-CP	Thống nhất tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại ND 72/2023/ND-CP	Ghi chú
		Cộng	Đủ điều kiện thanh lý	Còn sử dụng được				
	Tổng cộng	50	23	27		152	152	
1	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I	23	2	21		89	89	
	- Xe ô tô trên 16 chỗ	0			Chở giáo viên và học viên	2	2	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại QĐ số 898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.
	- Xe ô tô sát hạch lái xe	4		4	Dùng để sát hạch lái xe	25	25	Tiếp tục sử dụng theo Giấy chứng nhận số: 10/CĐBVN-QLPT&NL ngày 24/11/2022 của Cục ĐBVN cho đến khi có văn bản thay thế.
	- Xe ô tô tập lái xe	19	2	17	Đào tạo lái xe	62	62	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại Văn bản số 1878/BGTVT-TC ngày 27/02/2017 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.
2	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II	0	0	0		1	1	
	- Xe ô tô trên 16 chỗ				Chở giáo viên và học viên	1	1	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại QĐ số 898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.
3	Trường Cao đẳng GTVT Trung ương IV	0	0	0		1	1	
	- Xe ô tô trên 16 chỗ	0			Chở giáo viên và học viên	1	1	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại QĐ số 898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.
4	Trường Cán bộ quản lý GTVT	0	0	0		1	1	
	- Xe ô tô trên 16 chỗ	0			Chở giáo viên và học viên	1	1	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại QĐ số 898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.

5	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	0	0	0		2	2	
	- Xe ô tô trên 16 chỗ	0			Chở giáo viên và học viên	2	2	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại QĐ số 898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.
6	Trường Đại học Công nghệ GTVT	27	21	6		58	58	
	- Xe ô tô trên 16 chỗ	3	2	1	Chở giáo viên và học viên	3	3	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại QĐ số 898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.
	- Xe tập lái	24	19	5	Dùng để đào tạo lái xe	55	55	Tiếp tục sử dụng theo định mức đã ban hành tại Văn bản số 1878/BGTVT-TC ngày 27/02/2017 của Bộ GTVT cho đến khi có văn bản thay thế.